TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **13**/2024/DS-ST
Ngày 13 – 3 – 2024
"V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lộc và ông Hà Minh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐ-ST-DS ngày 22/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bạch T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Lâm Thị Bé N, sinh năm 1988 và anh Tiền Thanh H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn B, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

(Chị T có mặt tại phiên tòa; chị N và anh H vắng mặt lần 02 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án đại diện nguyên đơn chị Lê Thị Bạch T trình bày yêu cầu như sau:

Vào ngày 03/5/2023 thì chị Lâm Thị Bé N và anh Tiền Thanh H có đến gặp chị hỏi vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận, lúc vay có lập giấy tay nhận nợ, vợ chồng chị N cam kết đóng lãi hàng tháng, sau đó đóng lãi được một thời gian rồi ngưng cho đến nay không trả gốc và lãi.

Đến ngày 13/7/2023 thì chị Lâm Thị Bé N và anh Tiền Thanh H có đến gặp chị hỏi vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận, lúc vay có lập giấy tay nhận nợ, vợ chồng chị N cam kết đóng lãi hàng tháng, sau đó đóng lãi được một thời gian rồi ngưng cho đến nay không trả gốc và lãi, chị có liên hệ gặp vợ chồng chị N anh H để yêu cầu trả nợ nhiều lần nH vợ chồng chị N anh H chỉ hứa hẹn mà không trả, nên chị mới làm đơn khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu trả nợ.

Như vậy tổng cộng 02 lần vay vợ chồng chị N anh H còn nợ lại chị số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lâm Thị Bé N và anh Tiền Thanh H trả cho chị số tiền còn nợ là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Bị đơn chị Lâm Thị Bé N và anh Tiền Thanh H: Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Lê Thị Bạch T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Bị đơn chị Lâm Thị Bé N và anh Tiền Thanh H vắng mặt nên không có ý kiến yêu cầu gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng theo trình tự Bộ luật luật tố tụng dân sự. Thư ký ghi biên bản phiên tòa đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Đối với đương sự tham gia giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt lần 02 không lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Bạch T yêu cầu ông Tiền Thanh H và bà Lâm Thị Bé N trả số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự. Căn cứ vào biên nhận nợ tại bút lục số 01 vợ chồng anh Tiền Thanh H và chị Lâm Thị Bé N có ký nhận nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lâm Thị Bạch T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị N anh H trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vợ chồng chị N anh H đã được triệu tập xét xử hợp lệ nH vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung vụ án: Chị T yêu cầu vợ chồng chị N anh H trả số vay còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vợ chồng chị N anh H vẫn vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ theo giấy biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp (BL 01, 02) đề ngày 03/5/2023 và 13/7/2023 với nội dung có thể hiện việc vợ chồng chị N anh H có hỏi vay của chị T mỗi lần số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), 02 lần vay tổng cộng là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay đến ngày 26/7/2023 là trả dứt nợ. Hội đồng xét xử, xét thấy sự thỏa thuận vay tiền giữa vợ chồng chị N,anh H và chị T có lập giấy biên nhận có thể hiện chữ ký của người nhận là Lâm Thị Bé N và Tiền Thanh H, nên Hội đồng xét xử xác định việc chị chị N và anh H có nợ chị T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) là có thật.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bạch T buộc chị Lâm Thị Bé N và anh Tiền Thanh H trả số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Về thời hạn trả nợ thì khi bản án có hiệu lực thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[5] Về án phí của vụ án: 100.000.000đ x 5% = 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Bạch T về việc yêu cầu chị Lâm Thị Bé N và anh Tiền Thanh H trả số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Buộc chị Lâm Thị Bé N và anh Tiền Thanh H trả cho chị Lê Thị Bạch T số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Về thời gian thanh toán: Khi nào bản án có hiệu lực pháp luật, thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc chị Lâm Thị Bé N và anh Tiền Thanh H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Nguyên đơn chị Lê Thị Bạch T nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008990 ngày 03/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (V).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm